

Số: 628 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình trên địa bàn huyện Sơn Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 1985/HĐTĐGD-STC ngày 30/11/2020 và Văn bản số 1986/HĐTĐGD-STC ngày 30/11/2020; đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 398/TTr-STNMT ngày 04/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một số công trình trên địa bàn huyện Sơn Dương, cụ thể như sau:

1. Công trình Sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 37 và khu nhà làm việc của HĐND, UBND huyện và Nhà khách huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

1.1. Địa điểm xây dựng công trình: Tại thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương.

1.2. Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường

- Đất trồng cây lâu năm khu vực I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất ở tại đô thị đường loại I, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 5.200.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,3 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất ở tại đô thị đường loại I, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 2.200.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

2. Công trình Tiểu dự án 2 thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang (trên địa bàn huyện Sơn Dương)

2.1. Địa điểm xây dựng công trình: Tại thị trấn Sơn Dương, xã Văn Phú, Chi Thiết, Đại Phú, và Trung Yên, huyện Sơn Dương.

2.2. Giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường

a) Địa bàn thị trấn Sơn Dương

- Đất trồng cây lâu năm khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 30.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất nuôi trồng thủy sản khu vực I, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

b) Địa bàn xã Văn Phú

- Đất trồng cây hàng năm khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 43.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

+ Đất trồng cây lâu năm khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 35.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

+ Đất trồng cây lâu năm khu vực II, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 32.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

+ Đất trồng rừng sản xuất khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 14.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

+ Đất trồng rừng sản xuất khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 12.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

+ Đất nuôi trồng thủy sản khu vực II, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 32.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

c) Địa bàn xã Chi Thiết

- Đất trồng cây hàng năm khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 34.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 31.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 13.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

d) Địa bàn xã Đại Phú

- Đất trồng cây lâu năm khu vực II, vị trí 4: Giá đất tính tiền bồi thường là 26.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây hàng năm khu vực II, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 33.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất khu vực II, vị trí 4: Giá đất tính tiền bồi thường là 10.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

e) Địa bàn xã Trung Yên

- Đất trồng cây hàng năm khu vực III, vị trí 1: Giá đất tính tiền bồi thường là 41.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây hàng năm khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 36.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây hàng năm khu vực III, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 31.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm khu vực III, vị trí 2: Giá đất tính tiền bồi thường là 31.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng cây lâu năm khu vực III, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 28.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất trồng rừng sản xuất khu vực III, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 10.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

- Đất nuôi trồng thủy sản khu vực III, vị trí 3: Giá đất tính tiền bồi thường là 24.000 đồng/m²; hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần so với Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình theo Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

2. Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐC (Tính 22).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang